

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 14/2017/HS-ST

Ngày 27-9-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT- TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Văn T

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lương Văn C.

2. Bà: Ngô Thị L.

- *Thư ký nghị biên bản phiên tòa :* Bà Lê Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thanh Hóa.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông Trương Văn P – Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 27-9-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2017/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn Đ**, sinh năm 1997. Nơi sinh: Xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Co Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Thái; Con ông: Lò Văn Đ1 (Đã chết); Con bà: Vi Thị N, sinh năm 1979; Tiền án: Không; Tiền sự: 01, tháng 3/2017 Ban Công an xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-6-2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Ngân Văn P**, Sinh năm 1993; Nơi sinh: Xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Co Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Thái; Con ông : Ngân Văn T, sinh năm 1973 và con bà Lữ Thị P, sinh năm 1970; Tiền án: không; Tiền sự: 01, tháng 3/2017 Ban Công an xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-6-2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Sùng A S**, sinh năm 1983; Nơi sinh: Huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Mông; Con ông: Sùng A C, sinh năm 1956 và con bà: Hồ Thị L; Có vợ là: Thảo Thị S, sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-6-2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh **Giàng Chu M**, sinh năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Cánh Cộn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà **Nguyễn Thị H**, Nghề nghiệp: Trợ giúp viên pháp lý. Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ, ngày 29-5-2017, Lò Văn Đ sinh năm 1997 ở bản Co Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đi xuống đến bến đò nhà anh Ngân Văn M (bến đò M M) thấy người đàn ông đi xe máy chở hai người phụ nữ dân tộc Mông đi lên đò Si Kim, thuộc bản Co Cài, xã Trung Lý. Đạt nảy sinh ý định trộm cắp xe máy và đi bộ vào khu vực nương rẫy thì nhìn thấy một xe máy WAVE RSX, màu đỏ - đen dựng cách chòi khoảng 15m, vào chòi Đ tìm một cái thìa kim loại, que sắt nhỏ (lấy của bẫy kẹp chuột) dùng móc rút dây mát của xe máy và cắm que sắt vào công tắc của dây mát rồi đẩy xe máy về phía chòi rẫy lấy một áo khoác, một mũ rồi mặc vào người để tránh sự phát hiện. Sau đó Đ trôi xe máy theo dốc đường cái đi xuống gần chòi ao nhà anh Ngân Văn P ở cùng bản giấu xe, cởi áo, mũ vứt ở đó, Đ về bản, đến nhà anh Ngân Văn C hỏi mượn xe máy để đi đến nhà Ngân Văn P, sinh năm 1993, mục đích mang xe máy sang bản Khăm Nàng- Lào để bán xe, P đồng ý. Đ bảo P cầm theo một cà lê 10, một chai xăng đi đến chỗ cất giấu xe máy trộm cắp. P hỏi Đ và được biết xe máy Đ mới trộm cắp của người Mông đi làm nương dưới đò Si Kim, trên đường đi Đ và P dùng cà lê 10 tháo biển kiểm soát xe máy, một đôi gương. Sau đó P điều khiển xe máy đến nhà Sùng A S, sinh năm 1983, ở khu Kéo Cưa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát nhưng S không có nhà. Đ và P lên nhà ông Sùng A C (Bố đẻ S) tìm gặp S. Khi gặp S, P và Đ bảo S về nhà bàn ít việc, S bảo Đ và P về trước còn S đi sau, khi S về Đ và P nói là mới trộm cắp được một xe máy của người Mông nên nhờ S mang sang Lào bán. S đồng ý và còn đưa cho P 20.000đồng để phòng qua trạm kiểm soát Lào không cho thì đưa tiền xin qua. P chở Đ đến bản Khăm Nàng-Lào, mang xe máy giấu ở ven đường và ra cách đó 200m chờ S. Khoảng 30 phút S đến chờ Đ đi tìm người mua xe còn P quay về

suối Khảm Nàng – Lào chờ. S và Đ vào một quán nước và gặp vợ chồng người Mông quốc tịch Lào không biết tên S hỏi “Có mua xe máy không?”. Vợ chồng người Mông đồng ý và đi xem xe máy thống nhất với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng) do chưa có tiền nên người phụ nữ Lào quy đổi tiền thành ma túy tổng hợp. S và Đ đồng ý lấy 02 gói ma túy tổng hợp đi đến suối Khảm Nàng – Lào, Sái bảo Đ và P đi về trước. Lúc này, do lo sợ bị bắt S quay lại nhà người phụ nữ Lào trả lại 02 gói ma túy tổng hợp và hẹn tối quay lại lấy tiền. S đi sang bản Kéo Té, xã Nhi Sơn đón Đ và P về nhà. Đến 15 giờ cùng ngày, Đ và P được Ban công an xã Trung Lý gọi lên UBND xã làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp vào ngày 29-05-2017.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát số: 06/KL-ĐGTS ngày 31-5-2017 kết luận: 01(một) xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE RSX, BKS: 36B4-254.xx, số máy: JA32E0026726, số khung: 3222EY026724, màu sơn đỏ-đen. Đăng ký mới ngày 13-2-2015 và được mua lại tháng 12-2015. Tại thời điểm tháng 5-2017 có trị giá là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 16/Ctr-VKS-SH ngày 02-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố Lò Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự và Ngân Văn P, Sùng A S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị:

+ Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Lò Văn Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản” và bị cáo Ngân Văn P, Sùng A S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Áp dụng điều luật: Khoản 1 điều 138; điểm h,p khoản 1 điều 46; điều 33 Bộ luật hình sự đối với Lò Văn Đ.

+ Áp dụng: Khoản 1 điều 250; điểm h, p khoản 1 điều 46; điều 33 Bộ luật hình sự đối với Ngân Văn P và Sùng A S.

+ Về hình phạt: Bị cáo Lò Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù; Bị cáo Ngân Văn P từ 09 đến 10 tháng tù; Bị cáo Sùng A S từ 06 đến 08 tháng tù.

+ Về bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo Lò Văn Đ, Ngân Văn P, Sùng A S phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Giàng Chu M với số tiền là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

+ Về hình phạt bổ sung và vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với ý kiến của kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt. Nhưng cho rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn Đ, Ngân Văn P, Sùng A S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối

cải, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của vùng biên giới, hiểu biết pháp luật hạn chế, được quy định tại điểm h, p khoản 1 điều 46 BLHS. Nên đề nghị với Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét cho các bị cáo có mức hình phạt thấp nhất, để cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, thống nhất với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, bổ sung gì thêm, không tranh luận với đại diện VKS, lời nói cuối cùng xin hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất, để các bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Hội đồng xét xử. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lò Văn Đ, Ngân Văn P, Sùng A S khai nhận đúng như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 8 giờ ngày 29-5-2017 bị cáo Lò Văn Đ đã lợi dụng sơ hở của người bị hại anh Giàng Chu M lén lút trộm cắp 01(một) xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE RSX, BKS:36B4- 254.xx; số máy: JA32E0026726; số khung: 3222EY026724; màu sơn đỏ-đen có trị giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Ngân Văn P và Sùng A S mang xe máy đi bán cùng với bị cáo Đ được 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Hành vi của bị cáo Lò Văn Đ có đủ căn cứ cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự; Bị cáo Ngân Văn P và Sùng A S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, đến trật tự an toàn của xã hội. Hiện nay, tình hình trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Mường Lát xảy ra hết sức phức tạp, thường do các đối tượng nghiện ma túy, ham chơi, gây nên nhiều bức xúc,

hoang mang trong quần chúng nhân dân cần thiết phải có khung hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và ngăn ngừa, phòng chống tội phạm.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Vụ án này có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự chuẩn bị, bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Các bị cáo do có lối sống buông thả, không chịu lao động nên khi thấy chủ sở hữu tài sản mất cảnh giác thì tìm mọi cách chiếm đoạt tài sản có giá trị để bán lấy tiền để tiêu sài cá nhân.

- Đối với bị cáo Lò Văn Đ: Là người có vai trò chính, trực tiếp trộm cắp xe máy anh Giàng Chu M. Sau khi lắt được xe máy bị cáo rủ rê, lôi kéo Ngân Văn P, Sùng A S tìm nơi tiêu thụ để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Vì vậy, trong vụ án này bị cáo giữ vai trò chính và chịu hình phạt cao hơn các bị cáo P, S.

- Đối với bị cáo Ngân Văn P: Khi được bị cáo Lò Văn Đ khởi xướng, rủ rê tìm nơi tiêu thụ bán xe máy kiếm lời, bị cáo đồng ý tham gia tích cực nên có vai trò sau bị cáo Đ và chịu hình phạt cao hơn bị cáo S.

- Đối với bị cáo Sùng A S: Sau khi được các bị cáo Đ, P khởi xướng về việc bán xe máy lấy tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đồng ý và đưa xe máy đi bán lấy tiền, nhưng có vai trò thứ yếu. Do vậy, mức hình phạt thấp hơn bị cáo Đ, P.

Các bị cáo Lò Văn Đ, Ngân Văn P, Sùng A S đều là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, bị cáo Lò Văn Đ, Ngân Văn P vào tháng 3-2017 đã bị Ban Công an xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Với tính chất, hậu quả, nhân thân của các bị cáo cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, rèn luyện, trở thành một người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, lại là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng” và khoản 5 điều 250 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”. Do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng giáp biên giới không có công ăn việc làm

ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Căn cứ, điều 28 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 357, 360, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ vào yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại anh Giàng Chu M yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại 01(một) xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE RSX, BKS: 36B4-254.xx; số máy: JA32E0026726; số khung: 3222EY026724; màu sơn đỏ-đen có trị giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bồi thường của người bị hại là có căn cứ chấp nhận số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng chẵn). Trong vụ án này bị cáo Lò Văn Đ trực tiếp trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên phải bồi thường số tiền nhiều hơn cho người bị hại Giàng Chu M, cụ thể là 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn) còn bị cáo Ngân Văn P và Sùng A S phải liên đới bồi thường số tiền cho người bị hại anh Giàng Chu M mỗi bị cáo là 4000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn).

[6] Về vật chứng: Đối với 01 dây cao su màu đen dài 6mx 2cm; 01 cuộn dây màu trắng; 01 thanh sắt nhỏ; 01 cào 10 bằng kim loại màu trắng; 01 chai nhựa; đều đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu và tiêu hủy. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

01 đôi gương xe máy; 01BKS 36B4-254.xx; 01 kính nhựa màu đen; 01 điện thoại VIVO màu trắng không phải là vật chứng của vụ án, căn cứ khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần trả lại cho bị cáo, người bị hại là anh Giàng Chu M.

Đối với người đàn ông và người phụ nữ công dân Lào là người đã mua xe máy của các bị cáo đề nghị Cơ quan điều tra cấp có thẩm quyền tiếp tục xác minh làm rõ, có đủ căn cứ thì xử lý trong vụ án khác.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí HSST. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 điều 138; điểm h, điểm p khoản 1 điều 46 và điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi năm 2009 đối với bị cáo Lò Văn Đ.

Khoản 1 điều 250; điểm h, điểm p khoản 1 điều 46 và điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi năm 2009 đối với bị cáo Ngân Văn P và Sùng A S.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Ngân Văn P và Sùng A S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Đ **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 02-6-2017).

Xử phạt: Bị cáo Ngân Văn P **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 02-6-2017).

Xử phạt: Bị cáo Sùng A S **07** (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 02-6-2017).

Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào: Điều 28 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 357; 360; 585; 586; 587; 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Lò Văn Đ phải bồi thường cho anh Giàng Chu M, trú tại: Bản Cánh Còng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Bị cáo Ngân Văn P phải bồi thường cho anh Giàng Chu M, trú tại: Bản Cánh Còng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Bị Cáo Sùng A S phải bồi thường cho anh Giàng chu M, trú tại: Bản Cánh Còng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ: Khoản 2 điều 41 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm b, đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 dây cao su màu đen dài 06m x 02cm; 01 cuộn dây màu trắng; 01 thanh sắt nhỏ; 01 cã lê 10 bằng kim loại màu trắng; 01 chai nhựa. Đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho anh Giàng Chu M: 01 đôi gương xe máy; 01 Biển kiểm soát xe mô tô mang số 36B4-254.35; 01 kính nhựa màu đen.

+ Trả cho bị cáo Sùng A S: 01 điện thoại VIVO màu trắng.

Số vật chứng này hiện đang quy trữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án huyện Mường Lát. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2017 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Căn cứ: Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự (Nay là khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015); Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lò Văn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án Hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự có gia ngạch.

Bị cáo Ngân Văn P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Sùng A S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho các bị cáo. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Văn T